

BẢNG PHÂN CÔNG KHẮC PHỤC, NÂNG CAO CÁC CHỈ SỐ CON, CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

(Kèm theo Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh)

Stt	Chỉ số	Năm 2020		Năm 2021		Phân công đơn vị phụ trách chỉ số con và xây dựng kế hoạch khắc phục
		Điểm	Xếp hạng/63	Điểm	Xếp hạng/63	
1	CSTP 1: Gia nhập thị trường	7.21	47	6.39	50	Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì theo dõi, tổng hợp
1.1	Thời gian đăng ký doanh nghiệp - số ngày (Giá trị trung vị)	3	5	8	36	Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thị xã, thành phố (đối với Hộ kinh doanh cá thể)
1.2	Tỷ lệ DN phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 2 lần trở lên - Biên mới 2021			27%	58	Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thị xã, thành phố (đối với Hộ kinh doanh cá thể)
1.3	Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp - số ngày (Giá trị trung vị)	4	33	3	7	Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thị xã, thành phố (đối với Hộ kinh doanh cá thể)
1.4	Tỷ lệ DN đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký doanh nghiệp thông qua hình thức mới như đăng ký trực tuyến, đăng ký ở Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua bưu điện (%)	43%	50	51%	47	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bưu điện tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố (đối với Hộ kinh doanh cá thể)
1.5	Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (% DN Đồng ý)	62%	55	77%	17	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bưu điện tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố (đối với Hộ kinh doanh cá thể)
1.6	Hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ (% DN Đồng ý)	85%	31	85%	7	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bưu điện tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố (đối với Hộ kinh doanh cá thể)

Stt	Chỉ số	Năm 2020		Năm 2021		Phân công đơn vị phụ trách chỉ số con và xây dựng kế hoạch khắc phục
		Điểm	Xếp hạng/63	Điểm	Xếp hạng/63	
1.7	Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (% DN Đồng ý)	62%	49	46%	27	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bưu điện tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố (đối với Hộ kinh doanh cá thể)
1.8	Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (% DN Đồng ý)	77%	41	54%	25	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bưu điện tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố (đối với Hộ kinh doanh cá thể)
1.9	Việc khai trình việc sử dụng lao động, đề nghị cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội và đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp được thực hiện đồng thời trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021 (% DN Đồng ý)			61%	40	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bưu điện tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố (đối với Hộ kinh doanh cá thể)
1.10	Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ (%) - Biến mới 2021			50%	48	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bưu điện tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố (đối với Hộ kinh doanh cá thể)
1.11	Doanh nghiệp không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện (%) - Biến mới năm 2021			38%	38	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bưu điện tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố (đối với Hộ kinh doanh cá thể)
1.12	Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định (% DN Đồng ý) - Biến mới năm 2021			48%	47	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bưu điện tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố (đối với Hộ kinh doanh cá thể)

Stt	Chỉ số	Năm 2020		Năm 2021		Phân công đơn vị phụ trách chỉ số con và xây dựng kế hoạch khắc phục
		Điểm	Xếp hạng/63	Điểm	Xếp hạng/63	
1.13	Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định (% DN đồng ý) - Biến mới năm 2021			31%	60	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bưu điện tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố (đối với Hộ kinh doanh cá thể)
1.14	Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật (% DN Đồng ý) - Biến mới năm 2021			36%	47	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bưu điện tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố (đối với Hộ kinh doanh cá thể)
1.15	Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (%) - Biến mới năm 2021			2%	9	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bưu điện tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố (đối với Hộ kinh doanh cá thể)
1.16	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi đăng ký doanh nghiệp (%) - Biến mới năm 2021			0%	7	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bưu điện tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố (đối với Hộ kinh doanh cá thể)
1.17	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện (%) - Biến mới năm 2021			29%	53	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bưu điện tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố (đối với Hộ kinh doanh cá thể)
1.18	Tỷ lệ DN phải chờ hơn MỘT tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	12%	32	10%	30	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bưu điện tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố (đối với Hộ kinh doanh cá thể)
1.19	Tỷ lệ DN phải chờ hơn BA tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	4%	44	3%	20	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bưu điện tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố (đối với Hộ kinh doanh cá thể)

Stt	Chỉ số	Năm 2020		Năm 2021		Phân công đơn vị phụ trách chỉ số con và xây dựng kế hoạch khắc phục
		Điểm	Xếp hạng/63	Điểm	Xếp hạng/63	
2	CSTP 2: Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất	6.99	16	7.26	6	Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì theo dõi, tổng hợp
2.1	Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (trung vị)	30	52	12.5	8	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.2	DN tư nhân không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (% Đồng ý)	65%	3	57%	25	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.3	Tỷ lệ DN gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%)	25%	51	11%	9	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.4	Tỷ lệ DN gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm (%)	4%	6	11%	21	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.5	Thông tin, dữ liệu về đất đai không được cung cấp thuận lợi, nhanh chóng (%)	14%	2	22%	13	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.6	Thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định (%) - Biến mới năm 2021			78%	57	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.7	Cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ (%) - Biến mới năm 2021			11%	15	Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bưu điện tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.8	Các thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất rất mất thời gian (%) - Biến mới năm 2021			11%	16	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.9	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất thấp; 5=Rất cao)	1.68	39	1.57	11	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.10	Tỷ lệ DN tin rằng sẽ được bồi thường thỏa đáng khi bị thu hồi đất (%)	29%	28	23%	49	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố

Stt	Chỉ số	Năm 2020		Năm 2021		Phân công đơn vị phụ trách chỉ số con và xây dựng kế hoạch khắc phục
		Điểm	Xếp hạng/63	Điểm	Xếp hạng/63	
2.11	Sự thay đổi bảng giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (% Đồng ý)	86%	8	77%	37	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.12	Tỷ lệ DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục (%)	17%	60	31%	17	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.13	Tỷ lệ DN có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/ lo ngại cán bộ nhũng nhiễu (%)	3%	4	2%	3	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.14	Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai - Biến mới năm 2021			36%	11	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố
3	CSTP 3: Tính Minh bạch	6.39	9	5.68	41	Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì theo dõi, tổng hợp
3.1	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Không thể; 5=Rất dễ)	2.72	11	2.64	40	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
3.2	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Không thể; 5=Rất dễ)	3.03	31	2.96	48	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
3.3	Minh bạch trong đấu thầu (% Đồng ý)			71%	47	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
3.4	Tỷ lệ DN nhận được thông tin, văn bản cần khi yêu cầu cơ quan trong tỉnh cung cấp (%)	80%	3	94%	4	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
3.5	Số ngày chờ đợi để nhận được thông tin, văn bản yêu cầu (Trung vị)	5	44	2	9	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
3.6	Thông tin trên website của tỉnh về các ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021			37%	44	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

Stt	Chỉ số	Năm 2020		Năm 2021		Phân công đơn vị phụ trách chỉ số con và xây dựng kế hoạch khắc phục
		Điểm	Xếp hạng/63	Điểm	Xếp hạng/63	
3.7	Thông tin trên website của tỉnh về các quy định về thủ tục hành chính là hữu ích (% Đồng ý)- Biến mới năm 2021			72%	24	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
3.8	Thông tin trên website của tỉnh về các văn bản điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)- Biến mới năm 2021			44%	41	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
3.9	Thông tin trên các website của tỉnh về các văn bản pháp luật của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021			62%	25	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
3.10	Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (% Quan trọng hoặc Rất quan trọng)	35%	4	48%	9	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
3.11	Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh (% Đồng ý)	63%	55	39%	7	Cục Thuế tỉnh
3.12	Thỏa thuận về các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế giúp doanh nghiệp giảm được số thuế phải nộp (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021			29%	10	Cục Thuế tỉnh
3.13	Vai trò của các hiệp hội DN địa phương trong việc xây dựng và phân biện chính sách, quy định của tỉnh là quan trọng (% DN)	64%	2	54%	52	Các Hiệp hội DN, các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
3.14	Khả năng dự liệu được việc thực thi của tỉnh với quy định pháp luật của Trung ương (% Có thể) - Điều chỉnh năm 2021	3%	57	34%	29	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
3.15	Khả năng dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh (% Có thể) - Biến mới năm 2021			36%	26	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
3.16	Chất lượng website của tỉnh - Điều chỉnh năm 2021	38.00	15	25.54	61	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

Stt	Chỉ số	Năm 2020		Năm 2021		Phân công đơn vị phụ trách chỉ số con và xây dựng kế hoạch khắc phục
		Điểm	Xếp hạng/63	Điểm	Xếp hạng/63	
3.17	Tỷ lệ DN thường xuyên truy cập vào website của UBND tỉnh (%)	46%	51	65%	19	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4	CSTP 4: Chi phí thời gian	8.40	16	6.11	50	Sở Nội vụ chủ trì theo dõi, tổng hợp
4.1	Tỷ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước (%)	19%	21	33%	51	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.2	Cán bộ nhà nước thân thiện (% Đồng ý)	78%	39	75%	49	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.3	Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (% Đồng ý)	87%	21	79%	53	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.4	DN không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký (% Đồng ý)	64%	47	68%	55	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.5	Thủ tục giấy tờ đơn giản (% Đồng ý)	66%	33	67%	49	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.6	Phí, lệ phí được công khai (% Đồng ý)	94%	45	92%	48	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.7	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định (% Đồng ý)	78%	18	71%	57	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.8	Tỷ lệ DN không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021			54%	37	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.9	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm thời gian cho DN (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021			53%	44	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.10	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm chi phí cho DN (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021			54%	44	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

Stt	Chỉ số	Năm 2020		Năm 2021		Phân công đơn vị phụ trách chỉ số con và xây dựng kế hoạch khắc phục
		Điểm	Xếp hạng/63	Điểm	Xếp hạng/63	
4.11	Tỷ lệ DN cho biết nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	4%	3	13%	49	Thanh tra tỉnh, các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.12	Tỷ lệ DN cho biết bị thanh kiểm tra trên 3 lần một năm - Điều chỉnh năm 2021	2%	17	15%	7	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.13	Tỷ lệ DN nhận thấy cán bộ thanh, kiểm tra lợi dụng thực thi công vụ những nhiều doanh nghiệp (%)	13%	29	15%	36	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.14	Số giờ thanh, kiểm tra thuế mỗi cuộc (trung vị)	3%	6	12%	52	Cục Thuế tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5	CSTP 5: Chi phí không chính thức	6.62	32	7.29	34	Thanh tra tỉnh chủ trì theo dõi, tổng hợp
5.1	Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức (% Đồng ý)	59%	59	36%	21	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.2	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (% Thường xuyên hoặc Luôn luôn)	55%	38	66%	14	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.3	Hiện tượng những nhiều khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (% Đồng ý)	62%	55	57%	31	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.4	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	87%	19	88%	29	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.5	Tỷ lệ DN chi trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra (%)	17%	8	30%	47	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.6	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục ĐKDN / sửa đổi ĐKDN (%) - Biến mới năm 2021			38%	61	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thị xã, thành phố (đối với Hộ kinh doanh cá thể)

Stt	Chỉ số	Năm 2020		Năm 2021		Phân công đơn vị phụ trách chỉ số con và xây dựng kế hoạch khắc phục
		Điểm	Xếp hạng/63	Điểm	Xếp hạng/63	
5.7	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)- Biến mới năm 2021			66%	42	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.8	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra tra phòng cháy, chữa cháy (%)- Biến mới năm 2021			28%	27	Công an tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.9	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường (%)- Biến mới năm 2021			20%	15	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.10	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ quản lý thị trường (%) - Biến mới năm 2021			37%	22	Sở Công thương, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.11	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra thuế (%) - Biến mới năm 2021			29%	26	Cục Thuế tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.12	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra xây dựng - Biến mới năm 2021			83%	53	Sở Xây dựng, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.13	DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	3%	12	7%	51	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.14	Tỷ lệ DN chi trả chi phí không chính thức để đẩy nhanh việc thực hiện thủ tục đất đai (% DN)	27%	21	22%	26	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.15	Chi trả "hoa hồng" là cần thiết để có cơ hội thắng thầu (% Đồng ý)	41%	36	38%	33	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.16	Có tranh chấp song không lựa chọn Tòa án để giải quyết do lo ngại tình trạng "chạy án" là phổ biến (%)	23%	34	17%	23	Sở Tư pháp, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh
6	CSTP 6: Cạnh tranh bình đẳng	7.49	12	6.36	12	Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì theo dõi, tổng hợp

Stt	Chỉ số	Năm 2020		Năm 2021		Phân công đơn vị phụ trách chỉ số con và xây dựng kế hoạch khắc phục
		Điểm	Xếp hạng/63	Điểm	Xếp hạng/63	
6.1	Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021			77%	33	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
6.2	Tình ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021			59%	51	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
6.3	Tình ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021			35%	22	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
6.4	Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021			17%	6	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố
6.5	Thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021			16%	19	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
6.6	Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021			16%	35	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
6.7	Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021			9%	30	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố
6.8	Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021			16%	15	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

Stt	Chỉ số	Năm 2020		Năm 2021		Phân công đơn vị phụ trách chỉ số con và xây dựng kế hoạch khắc phục
		Điểm	Xếp hạng/63	Điểm	Xếp hạng/63	
6.9	Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021			7%	2	Cục Thuế tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
6.10	Việc tinh ưu ái cho DN lớn (cả DNNN và tư nhân) gây khó khăn cho doanh nghiệp (% Đồng ý)	66%	60	60%	58	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
6.11	"Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh" (% Đồng ý)	46%	6	37%	2	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
7	CSTP 7: Tính năng động và tiên phong của chính quyền	7.17	7	7.06	42	Sở Nội vụ chủ trì theo dõi, tổng hợp
7.1	Thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực (% DN)	50%	34	52%	50	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
7.2	Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì” (% DN)	18%	11	28%	29	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
7.3	Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh (% Đồng ý) - Điều chỉnh năm 2021	74%	62	44%	55	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
7.4	UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi (% Đồng ý)	92%	2	86%	30	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
7.5	UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% Đồng ý)	79%	10	75%	31	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
7.6	Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố (% Đồng ý) - Điều chỉnh năm 2021	74%	62	48%	30	UBND các huyện, thị xã, thành phố

Stt	Chỉ số	Năm 2020		Năm 2021		Phân công đơn vị phụ trách chỉ số con và xây dựng kế hoạch khắc phục
		Điểm	Xếp hạng/63	Điểm	Xếp hạng/63	
7.7	Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh (% Đồng ý)	86%	2	79%	31	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
7.8	Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021			65%	6	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
7.9	Tỷ lệ DN tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình - Biến mới năm 2021			67%	43	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
8	CSTP 8: Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	5.78	37	6.46	30	Sở Công Thương chủ trì theo dõi, tổng hợp
8.1	Thủ tục cấp bảo lãnh tín dụng cho DNNVV dễ thực hiện (%) - Biến mới năm 2021			75%	47	Các ngân hàng chi nhánh tỉnh, Kho bạc nhà nước tỉnh
8.2	Thủ tục để được CQNN hỗ trợ tăng cường năng lực doanh nghiệp dễ thực hiện (%) - Biến mới năm 2021			93%	9	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
8.3	Thủ tục để được giảm giá thuê mặt bằng tại khu/cụm CN là dễ thực hiện (%) - Biến mới năm 2021			81%	41	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
8.4	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn pháp luật khi sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN dễ thực hiện (%) - Biến mới năm 2021			86%	20	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

Stt	Chỉ số	Năm 2020		Năm 2021		Phân công đơn vị phụ trách chỉ số con và xây dựng kế hoạch khắc phục
		Điểm	Xếp hạng/63	Điểm	Xếp hạng/63	
8.5	Thủ tục dễ được miễn, giảm chi phí tư vấn thông tin thị trường khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN dễ thực hiện (%) -Biến mới năm 2021			81%	37	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
8.6	Thủ tục dễ được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp dễ thực hiện (%) - Biến mới năm 2021			79%	37	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thị xã, thành phố
8.7	Thủ tục dễ được miễn, giảm chi phí đào tạo nghề cho người lao động dễ thực hiện (%) - Biến mới năm 2021			74%	49	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố
8.8	Chất lượng cung cấp thông tin liên quan đến các FTA của các CQNN địa phương đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp (% Đáp ứng) - Biến mới năm 2021			31%	27	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
8.9	Vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA) được CQNN địa phương giải đáp hiệu quả (%) - Biến mới năm 2021			74%	18	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
8.10	Tỷ lệ DN có biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs - Biến mới năm 2021			19%	39	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
8.11	Tỷ lệ DN đánh giá việc thực hiện thủ tục dễ hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ DN tận dụng cơ hội từ các FTAs là thuận lợi (%) - Biến mới năm 2021			62%	55	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
8.12	Tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp (%)	1.23%	8	1.33%	9	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

Stt	Chỉ số	Năm 2020		Năm 2021		Phân công đơn vị phụ trách chỉ số con và xây dựng kế hoạch khắc phục
		Điểm	Xếp hạng/63	Điểm	Xếp hạng/63	
8.13	Tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%)	91%	17	68%	43	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
9	CSTP 9: Đào tạo lao động	5.13	63	5.19	28	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì theo dõi, tổng hợp
9.1	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng lao động phổ thông tại tỉnh là dễ dàng (%) - Biến mới năm 2021			78%	19	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố
9.2	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ kỹ thuật tại tỉnh là dễ dàng (%) - Biến mới năm 2021			53%	5	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố
9.3	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng (%) - Biến mới năm 2021			50%	2	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố
9.4	Tỷ lệ chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	6.53	60	3.50	10	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố
9.5	Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	7.34	54	0.67	3	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố
9.6	Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt (% Đồng ý)	35%	5	47%	49	Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thị xã, thành phố
9.7	Tỷ lệ lao động tại DN đã tốt nghiệp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (%) - Biến mới năm 2021			58.53	21	Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thị xã, thành phố
9.8	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo (%), TCTK)	60	20	14.90	50	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố
9.9	Lao động tại địa phương đáp ứng hoàn toàn/phần lớn nhu cầu sử dụng của DN (%) - Điều chỉnh năm 2021	96%	10	38%	58	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố

Stt	Chỉ số	Năm 2020		Năm 2021		Phân công đơn vị phụ trách chỉ số con và xây dựng kế hoạch khắc phục
		Điểm	Xếp hạng/63	Điểm	Xếp hạng/63	
9.10	Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt (% Đồng ý)	57%	51	62%	49	Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thị xã, thành phố
9.11	Điểm thi trung bình kỳ thi tốt nghiệp THPT (BGDDT)- Biên mới 2021			5.82	47	Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thị xã, thành phố
10	CSTP 10: Thiết chế pháp lý & ANTT	6.56	36	7.29	13	Sở Tư pháp chủ trì theo dõi, tổng hợp
10.1	Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi sai phạm của CBNN (% Thường xuyên hoặc Luôn luôn)	17%	63	60%	3	Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh
10.2	Tỷ lệ DN tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý)	93%	9	86%	56	Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh
10.3	Tỷ lệ DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)	62%	16	60%	30	Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh
10.4	Tỷ lệ DN tin rằng cấp trên không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ sai phạm (% Đồng ý)	20%	63	64%	1	Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh
10.5	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% Đồng ý)	93%	27	93%	47	Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh
10.6	Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% Đồng ý)	80%	22	75%	57	Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh
10.7	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% Đồng ý)	79%	28	79%	49	Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh
10.8	Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp (% Đồng ý)	84%	13	77%	53	Sở Tư pháp, Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Gia Lai

Stt	Chỉ số	Năm 2020		Năm 2021		Phân công đơn vị phụ trách chỉ số con và xây dựng kế hoạch khắc phục
		Điểm	Xếp hạng/63	Điểm	Xếp hạng/63	
10.9	Các chi phí chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021			77%	42	Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh
10.10	Các chi phí không chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021			71%	33	Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh
10.11	Phán quyết của toà án là công bằng (% Đồng ý)	90%	15	90%	44	Tòa án tỉnh
10.12	Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp (TANDTC)	4.72	4	3.93	3	Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh
10.13	Tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Toà án kinh tế tỉnh (% , TANDTC)	77%	43	93%	17	Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh
10.14	Tỷ lệ các vụ án kinh tế đã được giải quyết (% , TANDTC)	80%	28	68%	26	Tòa án tỉnh
10.15	Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh là tốt (%)	72%	20	71%	49	Công an tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
10.16	Tỷ lệ DN bị trộm cắp hoặc đột nhập vào năm vừa qua (%)	10%	23	6%	33	Công an tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
10.17	Cơ quan công an sở tại xử lý vụ việc của DN hiệu quả (%)	38%	59	78%	7	Công an tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
10.18	Tỷ lệ DN phải trả tiền bảo kê cho các băng nhóm côn đồ, tổ chức xã hội đen để yên ổn làm ăn (%)	0%	18	1%	42	Công an tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố

Ghi chú:

- Các sở, ngành thuộc tỉnh bao gồm tất cả các sở, ngành thuộc tỉnh và các cơ quan trung ương đứng chân trên địa bàn như: Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh, Kho bạc nhà nước tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Cục Hải quan Gia Lai - Kon Tum, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Cục Quản lý thị trường tỉnh.

- Các Hiệp hội DN gồm: Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nhân trẻ tỉnh, Hội Nữ doanh nhân tỉnh.